

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà (bến khách ngang sông) được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (*kèm Phụ lục giá dịch vụ sử dụng đò, phà*).

2. Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ đò, phà.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2018;

Bãi bỏ Mục 3 phụ lục mức giá dịch vụ tại Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức thu giá dịch vụ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- UB MTTQVN thành phố và các đoàn thể;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- VP. UBND thành phố (2,3,4,5,6,7);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT.QT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Thành Thống**

**Phụ lục**  
**GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐÒ, PHÀ**  
*(Kèm theo Quyết định số: 03/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2018*  
*của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

STT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (Tính theo khoảng cách giữa hai đầu bến)		
			Khoảng cách đến 500m	Khoảng cách từ trên 500m đến 1.000m	Khoảng cách từ trên 1.000m trở lên
1	Hành khách đi bộ	Đồng/người	1.000	1.000	Thu thêm 1.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
2	Xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện	Đồng/người/xe	2.000	3.000	Thu thêm 1.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
3	Xe mô tô, xe ba gác	Đồng/người/xe	3.000	4.000	Thu thêm 1.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
4	Xe ô tô đến 05 chỗ ngồi	Đồng/xe	15.000	20.000	Thu thêm 5.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
5	Xe ô tô từ trên 05 chỗ ngồi đến 09 chỗ ngồi	Đồng/xe	25.000	30.000	Thu thêm 5.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
6	Xe ô tô từ trên 09 chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi	Đồng/xe	30.000	35.000	Thu thêm 5.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
7	Xe ô tải đến 01 tấn	Đồng/xe	20.000	25.000	Thu thêm 5.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
8	Xe ô tải từ trên 01 tấn đến 3,5 tấn	Đồng/xe	25.000	30.000	Thu thêm 5.000 đồng cho mỗi km tăng thêm
9	Vé tháng	Đồng/xe	Bằng 30 lần mức giá dịch vụ ban ngày của mỗi đối tượng		

- Giá trên đã bao gồm thuế VAT, phí bảo hiểm hành khách.
- Đối với xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe mô tô: từ người thứ hai trở lên ngồi theo xe phải mua vé đi bộ.
- Đối với xe ba gác, xe ô tô khách, ô tô tải: giá cước đã bao gồm hàng hóa, hành khách đi theo xe.
- Mức giá này được áp dụng trong khoảng thời gian từ 05 giờ sáng đến 19 giờ tối; ngoài thời gian này, được phép tăng giá nhưng không được vượt quá hai lần mức giá quy định (trừ vé tháng).
- Tùy theo điều kiện thực tế tại mỗi vị trí bến, chủ bến điều chỉnh mức giá cho phù hợp nhưng không được vượt quá mức giá quy định tại quyết định này.
- Đối với các bến đò, phà đối lưu giữa thành phố Cần Thơ và các tỉnh lân cận, chủ bến đò, phà cần có sự thỏa thuận thống nhất mức giá theo quy định của một trong hai tỉnh (thành phố); trường hợp không thỏa thuận được thì bến đò, phà thuộc thành phố Cần Thơ áp dụng theo mức giá quy định tại Quyết định này./.